

**KẾ HOẠCH
Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao
giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Công văn số 93/PNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Quảng Điền về việc rà soát, đánh giá và xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

UBND xã ban hành Kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới; nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững; có kinh tế phát triển; hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng hiện đại, phù hợp; môi trường sinh thái trong lành; bản sắc văn hóa làng quê được giữ gìn và phát huy; an ninh trật tự xã hội đảm bảo; hệ thống chính trị vững mạnh, nhân dân hài lòng và đồng tình ủng hộ.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền địa phương, đoàn thể chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu, các giải pháp tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trên tinh thần dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN:

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp nông thôn đi vào

chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu. Nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần của người dân, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2.Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025 xã đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.
- Năm 2021: Xây dựng thôn Đông Xuyên đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 03 vườn mẫu..
- Năm 2022: Phân đấu đạt nội dung 3,4 của tiêu chí 14 về y tế. tiến hành lập kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn Phú Lương B và thôn An Xuân Bắc, xây dựng 05 vườn mẫu.
- Năm 2023:
 - + Phân đấu đạt nội dung số 5 tiêu chí số 8; đạt nội dung 01 tiêu chí số 12. Thôn Phú Lương B và thôn An Xuân Bắc đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu.
 - + Xã phân đấu xây dựng sản phẩm OCOP đối với hạt gạo giống lúa J02.
- Năm 2024: Tập trung nguồn lực đầu tư giao thông trực chính nội đồng trên địa bàn mà đặc biệt nội dung 4 tiêu chí số 02 về giao thông; Đạt các nội dung của tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. Xây dựng thôn An Xuân Tây đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 03 vườn mẫu.
- Năm 2025: Đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt nội dung 10 của tiêu chí 17 về môi trường. Xây dựng thôn Mỹ Xá đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 02 vườn mẫu.

III.NỘI DUNG THỰC HIỆN

1.Thực trạng kết quả về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

1.Quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch: Quyết định 905/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện Quảng Điền về việc quy hoạch chung xây dựng xã Quảng An, huyện Quảng Điền đến năm 2035. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: Đang phối hợp

Phòng kinh tế-Hạ tầng huyện lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã theo thông báo kết luận 238 của BTV huyện, ngày 13 tháng 12 năm 2021. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

2. Giao thông

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định. Hàng năm các tuyến đường được bảo trì đảm bảo đi lại, xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu và có các biển báo cần thiết. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp (được cứng hóa và bảo trì hàng năm. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp). **Đạt theo bộ tiêu chí.**

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là $\geq 90\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Tổng số 18,218km, trong đó cứng hóa đạt chuẩn 15,49km, đạt 85%. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí**

3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$. Qua rà soát trên 90% diện tích được tưới tiêu chủ động. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt khá. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

4. Điện

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 99\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5. Giáo dục

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 là 100%. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 2. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

6.Văn hóa

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới

7.Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

8.Thông tin và Truyền thông

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

9. Nhà ở dân cư

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

10.Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)

Năm 2021: 43 triệu đồng

Năm 2022: 47 triệu đồng

Năm 2023: 51 triệu đồng

Năm 2024: 55 triệu đồng

Năm 2025: 59 triệu đồng.

Chưa đạt theo bộ tiêu chí.

11. Nghèo đa chiều

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025(Tỷ lệ hộ nghèo xã đến cuối năm 2021 là 2,5%). **Đạt theo bộ tiêu chí.**

12. Lao động

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 80\%$.

Chưa đạt theo bộ tiêu chí.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

Đạt theo bộ tiêu chí.

13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường). **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

14. Y tế

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

15. Hành chính công

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên. Đạt. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. Đạt. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

16. Tiếp cận pháp luật

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 . **Đạt theo bộ tiêu chí.**

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17. Môi trường

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Đạt. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100% . **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 85\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 40\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 85\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$. **Chưa đạt theo bộ tiêu chí.**

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 70\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18. Chất lượng môi trường sống

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 55\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 30\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Không. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 95\%$. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

19. Quốc phòng và An ninh

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. **Đạt theo bộ tiêu chí.**

Như vậy qua rà soát có 12 tiêu chí đạt 100% nội dung, 4 tiêu chí đạt nhưng còn thiếu 01 nội dung chưa đạt; 01 tiêu chí đạt nhưng còn thiếu 02 nội dung chưa đạt và 02 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí số 10 và 13), 15/75 nội dung tiêu chí chưa đạt.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được

Công tác triển khai được tiến hành chủ động, phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động, tuyên truyền nhân dân tổ chức thực hiện các tiêu chí, không thụ động trông chờ, y lại vốn của cấp trên, mà xác định tiêu chí nào thuận lợi sẽ cho triển khai thực hiện trước, tận dụng mọi nguồn lực của địa phương nhất là nguồn lực từ trong dân để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, xây dựng cảnh quan môi trường, dân sinh xây dựng quê hương giàu đẹp. Tùy điều kiện và thu nhập đời sống của nhân dân để vận động, huy động. Không triển khai tràn lan, huy động nguồn lực trong nhân dân lớn để ảnh hưởng đến đời sống người dân.

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện xác định nội dung quan trọng nhất là nâng cao nhận thức về ý nghĩa tầm quan trọng, nhiệm vụ của người dân và cả hệ thống chính trị ở xã trong việc xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Từ đó các tiêu chí đã thực hiện tốt, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” tiến hành duy tu sửa chữa các tuyến đường Giao thông, đê bao thủy lợi, xây dựng cảnh quan môi trường, các tuyến đường hoa, đường kiêu mẫu; phong trào vận động phát triển kinh tế hộ gia đình; ý thức về chuyển đổi cây trồng, vật nuôi được nhân dân hưởng ứng tích cực nên cho năng suất, chất lượng, sản lượng nông sản không ngừng được tăng lên, đời sống vật chất và tinh thần của người dân luôn được cải thiện.

Công tác giảm nghèo, chính sách đền ơn đáp nghĩa được thực hiện tốt, giáo dục đào tạo tiếp tục phát triển. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới ngày càng được nhân dân hưởng ứng tích cực, thu nhập người dân ngày càng tăng cao, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp, trật tự xã hội được đảm bảo, cảnh quan môi trường được sạch đẹp, nhân dân đầu tư hệ thống điện chiếu sáng thôn xóm, quy chế dân chủ được phát huy, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

2. Những tồn tại và hạn chế

Do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh covid-19 nên việc triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiêu mẫu, chưa được quan tâm đúng mức; kế hoạch triển khai còn chậm so với yêu cầu và chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

Công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, trồng hoa,

cây xanh chưa mạnh, chưa thường xuyên, chưa tạo được điểm nhấn trong xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu; ý thức của người dân trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu chưa cao.

Công tác tuyên truyền, vận động của các đoàn thể, các ngành còn thiếu thường xuyên, chưa làm tốt công tác phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế, chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cộng đồng dân cư trong Chương trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu

- Tiếp tục duy trì bền vững các tiêu chí xã Nông thôn mới, tập trung xây dựng các tiêu chí, nội dung chưa đạt phấn đấu hoàn thành xây dựng xã nông thôn mới nâng cao vào năm 2025.

- Tập trung quy hoạch, chỉnh trang khu vực trung tâm xã, phát triển du lịch sinh thái ở vùng NTTS, tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống vật, văn hóa cho người dân.

2. Nhiệm vụ thực hiện đối với các tiêu chí, nội dung chưa đạt

2.1.Nội dung 2.4

Tranh thủ nguồn hỗ trợ của UBND huyện Quảng Điền, Tỉnh huy động nguồn nông thôn mới để bê tông hóa 03 tuyến đường chính nội đồng dài 3.169 km để hoàn thiện tiêu chí này (*Đã đưa vào vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 1,5 tỷ, còn lại xã đối ứng từ nguồn đối đất xây dựng cơ sở hạ tầng*).

2.2.Nội dung 8.5

-Tích cực tuyên truyền vận động các mạnh thường quân và cùng với Cấp ủy- BDH thôn - Mặt trận các đoàn thể từ xã đến thôn, bằng nhiều nguồn lực để đưa mạng wifi đến những điểm công cộng, các nhà văn hóa thôn, các điểm sinh hoạt tập thể để miễn phí cho các tầng lớp nhân dân tiếp cận.

2.3.Thu nhập

-Tích cực vận động nhân dân thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó chuyển đổi diện tích 2 vụ lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản ở thôn 2, thôn 4.

- Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn; đặc biệt là các nghề truyền thống như: Nghề trồng mai vàng Huế...đa dạng hóa ngành nghề, không ngừng quảng bá sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động phần đầu hàng năm có từ 20-25 lao động xuất khẩu, đa dạng hóa các kênh giới thiệu và giải quyết việc làm, kết nối cung cầu lao động thông qua các hoạt động sàn giao dịch việc làm.

2.4. Nội dung 12.1

Phối hợp phòng Lao động thương binh xã hội huyện rà soát số lao động chưa qua đào tạo để có kế hoạch đào tạo, trong đó tập trung các ngành nghề phù hợp với lao động địa phương. Phối hợp 2 công ty may SCAVI và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Quảng Điền, tuyển dụng gắn với đào tạo nghề để giải quyết lao động tại địa phương và nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng lên.

2.5.1. Nội dung 13.1

Khuyến khích 02 HTXNN có sự hợp đồng với các công ty trong tỉnh và ngoài tỉnh để liên kết theo chuỗi giá trị và bao tiêu sản phẩm nông sản cho bà con nhân dân trên địa bàn xã.

2.5.2 Nội dung 13.2

Xây dựng mô hình trồng sen, cá và vùng trồng lúa hàng hóa chất lượng cao, đăng ký sản phẩm lúa thương hiệu J02, ST 25 xây dựng sản phẩm OCOP trên địa bàn xã.

2.5.3 Nội dung 13.3

Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao “ứng dụng công nghệ cao sản xuất an toàn” ở khu vực Đoi của HTXNN Đông Phú 0,5 ha, kinh phí: 300.000.000 đ.

2.5.4 Nội dung 13.4

Chỉ đạo HTXNN An Xuân xây dựng kế hoạch hướng dẫn việc ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm hạt sen, mai vàng, chuỗi Bà lùn ở thôn Phú Lương B.

2.5.5. Nội dung 13.5

Làm việc hợp tác xã Đông Phú xây dựng thương hiệu gạo ngon J02, ST25 và đăng ký bán hàng qua các trang thương mại điện tử như cửa hàng Shopee hay cửa hàng Lazada.

2.5.6. Nội dung 13.6

Tập trung xây dựng vùng nguyên liệu sản phẩm chủ lực địa phương để đăng ký cấp mã vùng trồng lúa thương hiệu J02, ST 25 ở HTXNN Đông Phú.

2.5.7. Nội dung 13.7

Khẩn trương triển khai công tác quảng bá về xây dựng đề án và hình ảnh du lịch sinh thái trên vùng nuôi trồng thủy sản xã Quảng An trên Internet, Zalo, mạng xã hội..v...v....

2.5.8. Nội dung 13.8

Tập trung xây dựng mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

2.6.1. Nội dung 14.3

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt trên 40%.

2.6.2. Nội dung 14.4

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ dân số khám chữa bệnh điện tử trên 70%.

2.7. Nội dung 17.10

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$.

3. Giải pháp

- Tiếp tục phát động phong trào toàn dân hưởng ứng xây dựng thôn, xóm văn minh, sạch đẹp; trong đó tổ chức tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm; Vận động các hộ tự cải tạo, xây dựng, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn, chỉnh trang tường rào, vườn tược; có ý thức bảo vệ môi trường chung, không xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Hàng tháng phát động nhân dân tham gia vệ sinh môi trường ở từng thôn, xóm.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất. Vận động nhân dân đầu tư máy móc, thiết bị để thực hiện tốt cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tổ chức sản xuất để nâng cao thu nhập, nhất là nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

- Huy động tối đa các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, vốn huy động từ cộng đồng, vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và vốn tín dụng.

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ tham gia trực tiếp chương trình.

Đạt được 19 tiêu chí mới là bước đầu trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong thời gian tới để tiếp tục duy trì và phát triển ở mức cao một số tiêu chí đã đạt, Đảng bộ và nhân dân xã Quảng An với quyết tâm cao để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Tiếp tục huy động các nguồn lực để hoàn thành nâng cao chất lượng và bền vững các tiêu chí đạt chất lượng cao, phát triển kinh tế, hỗ trợ vốn tín dụng để phát triển sản xuất, tổ chức đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm; xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bê tông, các tuyến mương nội đồng, cầu cống để phục vụ cho giao thông và sản xuất, mương thoát nước trong khu dân cư.

VI. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN:

1. Để tiếp tục thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao theo lộ trình đã đề ra, giai đoạn 2021 – 2025, dự kiến tổng mức vốn thực hiện chương trình: 150 tỷ đồng.

2. Cơ cấu nguồn vốn:

a. Vốn ngân sách:

- Ngân sách trung ương: 30 tỷ.

- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 60 tỷ

- Vốn lồng ghép từ các chương trình: 10 tỷ.

b. Vốn tín dụng: 25 tỷ.

c. Vốn huy động từ Doanh nghiệp, HTX: 10 tỷ.

d. Vốn huy động từ nhân dân đóng góp: 15 tỷ.

Trên đây là kế hoạch đánh giá và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 xã Quảng An.

Nơi nhận:

- Văn phòng điều phối của huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ VN xã;
- Các thành viên BCD, BQL xây dựng nông thôn mới xã;
- Lưu VT xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Minh Châu